



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016



Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

Kiểm toán - Audit | Thuế - Tax | Tư vấn - Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)
Ông Ramoncito S. Fernandez	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Tổng giám đốc và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 8 năm 2016



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM
T: (+84 8) 3547 2323 - F: (+84 8) 3547 2579 - W: ifcvietnam.com.vn

Số: 466/2016/BCSX-IFCHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1741-2013-072-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2016



Branch of International Auditing and Financial Consulting Company Limited
5th fl., Hai Au TIC Building, 39B Truong Son, Wd. 4, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

A member firm of AGN International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016


Mẫu số B 01a-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		688.393.863.373	403.898.088.793
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	106.434.668.094	6.719.447.716
1. Tiền	111		100.734.668.094	1.049.447.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.700.000.000	5.670.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.388.875.000	15.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14.a	15.388.875.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		500.912.168.797	336.471.820.417
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.034.483.504	46.445.778.829
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.496.256.150	3.438.866.006
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	103.956.748.901	142.663.082.744
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	365.798.582.339	148.997.534.097
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.373.902.097)	(5.073.441.259)
IV. Hàng tồn kho	140	11	62.855.130.573	43.096.407.119
1. Hàng tồn kho	141		63.482.738.145	43.724.014.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.803.020.909	2.610.413.541
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		301.992.585	64.897.726
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		802.012.335	858.147.202
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16.a	1.699.015.989	1.687.368.613
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.774.055.575.548	2.951.455.698.795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		231.425.250.000	231.425.250.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	231.425.250.000	231.425.250.000
II. Tài sản cố định	220		1.614.208.066	1.686.942.300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.596.716.083	1.666.950.315
- Nguyên giá	222		2.060.680.935	2.008.990.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(463.964.852)	(342.040.211)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	17.491.983	19.991.985
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.508.017)	(30.008.015)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		396.496.411	396.496.411
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		396.496.411	396.496.411
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.540.619.621.071	2.717.947.010.084
1. Đầu tư vào công ty con	251	14.b	2.175.283.262.249	2.232.150.422.644
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14.c	218.052.103.284	295.193.833.284
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14.d	2.902.900.000	2.902.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14.d	(2.902.900.000)	(2.902.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	14.a	147.284.255.538	190.602.754.156
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.462.449.438.921	3.355.353.787.588

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016


Mẫu số B 01a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.387.871.627.704	1.263.413.537.423
I. Nợ ngắn hạn	310		721.674.605.195	686.645.848.248
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.441.868.742	17.126.781.929
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.705.379.310	6.395.252.220
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.b	15.058.677	10.758.364
4. Phải trả người lao động	314		106.283.201	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	10.827.794.243	11.261.063.808
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.200.639	246.201.184
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18.a	151.978.574.896	123.213.911.922
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	545.352.166.666	527.351.500.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.001.278.821	1.040.378.821
II. Nợ dài hạn	330		666.197.022.509	576.767.689.175
7. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	78.252.220.500	78.252.220.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	587.944.802.009	498.515.468.675
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.074.577.811.217	2.091.940.250.165
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.074.577.811.217	2.091.940.250.165
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.061.076.378	17.061.076.378
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.311.336.743	142.673.775.691
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.960.916.691	7.292.748.932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		98.350.420.052	135.381.026.759
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.462.449.438.921	3.355.353.787.588


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng






Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016


MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	18.593.204.514	94.547.132.276
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		76.453.811	77.253.499
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.516.750.703	94.469.878.777
4. Giá vốn hàng bán	11	22	18.257.651.566	92.617.983.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		259.099.137	1.851.895.629
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	171.853.399.184	115.202.423.789
7. Chi phí tài chính	22	24	70.546.249.607	71.695.553.371
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.971.730.903	70.911.378.281
8. Chi phí bán hàng	25		85.487.649	326.067.807
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	3.100.661.013	2.896.593.728
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.380.100.052	42.136.104.512
11. Thu nhập khác	31		-	27.625.420
12. Chi phí khác	32		29.680.000	21.097.427
13. Lợi nhuận khác	40		(29.680.000)	6.527.993
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98.350.420.052	42.142.632.505
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		98.350.420.052	42.142.632.505


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016


MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	98.350.420.052	42.142.632.505
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư	02	124.424.643	55.289.534
Các khoản dự phòng	03	300.460.838	841.201.879
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	145.801	(433.924)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(117.279.026.281)	(114.436.513.875)
Chi phí lãi vay	06	15.971.730.903	70.911.378.281
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.531.844.044)	(486.445.600)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	24.025.600.353	(6.985.985.514)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	1.185.516.219	(4.843.688.410)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.256.403.469)	10.066.218.337
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(237.094.859)	108.609.013
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.974.545.284)	(50.572.844.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.247.376)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(39.100.000)	(497.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.850.118.460)	(53.211.936.479)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(51.690.409)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	18.123.403.068
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(169.500.000.000)	(322.467.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	208.206.333.843	35.295.673.340
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000.000)	(1.265.887.997.750)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	113.112.960.000	6.985.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	82.080.740.205	17.472.879.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	133.848.343.639	(1.510.478.042.300)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	512.547.052.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	130.772.175.398	1.186.510.500.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.342.175.398)	(113.140.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(115.712.859.000)	(26.518.627.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.282.859.000)	1.559.398.924.800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	99.715.366.179	(4.291.053.979)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.719.447.716	7.460.931.974
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(345.801)	433.924
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	106.434.668.094	3.170.311.919


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 11 (31 tháng 12 năm 2015: 11).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đang đầu tư vào chín (9) công ty con và hai (2) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	TP.Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP.Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường

Công ty con đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông và các dịch vụ hạ tầng khác

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	49,75%	49,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP.Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

23-
HÁI
3 T
MI
OÁ
AI
C
AN
P.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	4.940.949	1.220.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	100.729.727.145	1.048.227.533
Các khoản tương đương tiền (i)	5.700.000.000	5.670.000.000
Cộng	106.434.668.094	6.719.447.716

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Him Lam	3.158.377.829	13.894.266.899
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	4.644.703.767	4.028.570.767
Ông Trịnh Văn Hà	4.526.151.579	4.526.151.579
Các khách hàng khác	20.705.250.329	23.996.789.584
Cộng	33.034.483.504	46.445.778.829

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phát triển Ninh Thuận	424.752.103	424.752.103
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	225.643.033
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	192.909.735	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	4.143.778
Cộng	1.124.051.903	654.538.914

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	1.450.000.000	1.450.000.000
Công ty CP Kim Sơn Hải	820.000.000	820.000.000
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc Xây dựng và Quản lý dự án Sáng Tạo Mới	528.185.000	528.185.000
Các đối tượng khác	698.071.150	640.681.006
Cộng	3.496.256.150	3.438.866.006

Trong đó, trả trước cho các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	115.500.000
Cộng	-	115.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Khoản cho công ty mẹ vay - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	103.956.748.901	142.663.082.744
Cộng	103.956.748.901	142.663.082.744

(i) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2016 với lãi suất cho vay là 11%/năm.

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng	231.425.250.000	231.425.250.000

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng cho vay đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017 là 8,5%/năm. Kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 cho đến khi khoản nợ gốc được thanh toán hết, lãi suất cho vay áp dụng là 0%. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa thỏa thuận được lịch thanh toán nợ với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc trong thời gian 12 tháng tiếp theo.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	183.975.024.498	96.112.522.212
Khoản tạm ứng vốn góp đầu tư vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.730.000	-
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	79.071.722.515	37.274.300.930
Phải thu lãi cho vay từ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	25.062.497.446	15.117.640.175
Phải thu người lao động	42.274.000	42.274.000
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Các khoản chi hộ	33.415.413	33.415.413
Phải thu đối tượng khác	462.918.467	408.381.367
Cộng	365.798.582.339	148.997.534.097

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	79.071.722.515	37.274.300.930
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	89.651.127.140	57.307.658.030
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	61.145.126.790	38.804.864.182
Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận	16.398.211.568	-
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	16.780.559.000	-
Cộng	263.046.747.013	133.386.823.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/06/2016		01/01/2016		Thời gian quá hạn Đổi tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Phải thu từ ứng trước tiền hàng	820.000.000	-	820.000.000	-	>3 năm
Phải thu thi công công trình	546.339.201	-	546.339.201	-	>3 năm
Phải thu thi công công trình	369.361.503	-	369.361.503	-	>3 năm
Phải thu thi công công trình	1.710.705.674	702.415.846	790.479.419	82.650.429	>3 năm
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	-	528.185.000	-	>3 năm
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	457.951.000	-	457.951.000	-	2-3 năm
Phải thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.205.851.697	36.591.650	1.205.851.697	36.591.650	2-3 năm
Phải thu khác	474.515.518	-	474.515.518	-	>3 năm
Cộng	6.112.909.593	739.007.496	5.192.683.338	119.242.079	
Giá trị đã lập dự phòng	5.373.902.097		5.073.441.259		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.650.364	(32.650.364)	32.650.364	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	1.456.000	(1.456.000)	1.456.000	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	62.855.130.573	-	43.096.407.119	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	<i>7.163.047.331</i>	<i>-</i>	<i>8.348.563.550</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	<i>155.987.195</i>	<i>-</i>	<i>155.987.195</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	<i>55.536.096.047</i>	<i>-</i>	<i>34.591.856.374</i>	<i>-</i>
Thành phẩm	528.730.757	(528.730.757)	528.730.757	(528.730.757)
Hàng hóa	64.770.451	(64.770.451)	64.770.451	(64.770.451)
Cộng	63.482.738.145	(627.607.572)	43.724.014.691	(627.607.572)

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng cho giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, lỗi thời.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	854.759.656	1.154.230.870	2.008.990.526
Mua trong kỳ	-	51.690.409	51.690.409
Tại ngày 30/06/2016	854.759.656	1.205.921.279	2.060.680.935
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	255.965.042	86.075.169	342.040.211
Khấu hao trong kỳ	42.902.328	79.022.313	121.924.641
Tại ngày 30/06/2016	298.867.370	165.097.482	463.964.852
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	598.794.614	1.068.155.701	1.666.950.315
Tại ngày 30/06/2016	555.892.286	1.040.823.797	1.596.716.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Bản quyền phần mềm VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016 và tại ngày 30/06/2016	<u>50.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	30.008.015
Khấu hao trong kỳ	2.500.002
Tại ngày 30/06/2016	<u>32.508.017</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2016	19.991.985
Tại ngày 30/06/2016	<u>17.491.983</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	15.388.875.000	15.388.875.000	15.000.000.000	15.000.000.000
ii. Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư		147.284.255.538		190.602.754.156

Số dư khoản vốn hợp tác đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện giá trị phần góp vốn của Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên. Trong kỳ, Công ty ghi giảm vốn hợp tác đầu tư do được hoàn trả vốn tương ứng với tỷ lệ góp vốn từ nguồn thặng dư của phí giao thông thu được sau khi thanh toán các khoản nợ vay, lãi vay và các chi phí hoạt động phát sinh liên quan đến việc thu phí giao thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	671.325.846.295	-	828.193.006.690	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	430.425.833.333	-	430.425.833.333	-
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	335.996.028.454	-	335.996.028.454	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	300.659.554.167	-	300.659.554.167	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	258.876.000.000	-	258.876.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	100.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	78.000.000.000	-	78.000.000.000	-
Cộng	2.175.283.262.249	-	2.232.150.422.644	-

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thoái một phần vốn tại Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn tiến độ nhận lại vốn đầu tư hoàn trả từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với dự án B.T xây dựng cầu Sài Gòn 2.

Ngày 10 tháng 5 năm 2016, Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII nhằm mục đích thực hiện đầu tư vào các dự án cầu đường. Vốn điều lệ của công ty con là 255 tỷ VND, trong đó tỷ lệ sở hữu của Công ty là 99,99%.

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	63.568.623.284	-	63.568.623.284	-
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.483.480.000	-	231.625.210.000	-
Cộng	218.052.103.284	-	295.193.833.284	-

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán các khoản đầu tư này.

Giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	17.584.305.834	10.000.000.000
Thu tiền cung cấp dịch vụ	345.247.140	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 01/01/2016 và 30/06/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư AQUA	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-
Cộng	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH Kiến trúc và Môi trường Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	2.580.195.998	2.580.195.998	2.580.195.998	2.580.195.998
Các nhà cung cấp khác	866.336.875	866.336.875	642.685.275	642.685.275
Cộng	6.441.868.742	6.441.868.742	17.126.781.929	17.126.781.929
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	2.995.335.869	2.995.335.869	13.903.900.656	13.903.900.656
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	235.500.000	235.500.000	-	-
Cộng	3.230.835.869	3.230.835.869	13.903.900.656	13.903.900.656

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.110.797.025	11.647.376	-	1.122.444.401
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	-	-	576.571.588
Cộng	1.687.368.613	11.647.376	-	1.699.015.989
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	4.240.000	4.240.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.600.000	10.600.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.758.364	325.354.116	321.053.803	15.058.677
Các loại thuế khác	-	18.840.000	18.840.000	-
Cộng	10.758.364	359.034.116	354.733.803	15.058.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay phải trả	7.802.984.202	8.147.531.736
Chi phí thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị phải trả	3.024.810.041	3.048.532.072
Chi phí phải trả khác	-	65.000.000
Cộng	10.827.794.243	11.261.063.808

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Khoản nhận trước lợi nhuận (i)	38.043.446.092	20.459.140.258
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần công ty con từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	113.112.960.000	102.292.870.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	822.168.804	461.901.664
Cộng	151.978.574.896	123.213.911.922
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.252.220.500	78.252.220.500
Cộng	78.252.220.500	78.252.220.500
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (i)	38.043.446.092	20.459.140.258
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (ii)	78.000.000.000	78.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	113.112.960.000	102.292.870.000
Cộng	229.156.406.092	200.752.010.258

(i) Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận từ công ty liên kết này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu chưa công bố chính thức việc chia lợi nhuận nên Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

(ii) Số dư tiền nhận ký quỹ, ký cược từ Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty đang nắm giữ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát đối với Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Ngắn hạn

	30/06/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (t)	462.850.500.000	462.850.500.000	-	-	462.850.500.000	462.850.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	-	8.672.175.398	8.672.175.398	-	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000	-	-	-
Cộng vay ngắn hạn	466.550.500.000	466.550.500.000	12.372.175.398	8.672.175.398	462.850.500.000	462.850.500.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 19.b)	78.801.666.666	78.801.666.666			64.501.000.000	64.501.000.000
Cộng	545.352.166.666	545.352.166.666			527.351.500.000	527.351.500.000

(t) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để đầu tư vào dự án. Lãi suất vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị có khả năng		Giá trị có khả năng	
	Nợ gốc VND	thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (ii)	402.579.568.925	402.579.568.925	-	100.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	145.766.899.750	145.766.899.750	-	14.570.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iv)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	18.400.000.000	18.400.000.000	18.400.000.000	-
Cộng vay dài hạn	666.746.468.675	666.746.468.675	118.400.000.000	14.670.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(78.801.666.666)	(78.801.666.666)	-	-
Cộng	587.944.802.009	587.944.802.009	118.400.000.000	14.670.000.000
				(64.501.000.000)
				498.515.468.675
				563.016.468.675
				563.016.468.675

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu. Thời hạn vay là 102 tháng tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 219 tỷ VND và 72 tháng tính từ ngày 2 tháng 12 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 191,920 tỷ VND. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 275 tỷ VND, thời hạn giải ngân đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2016. Thời hạn vay được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 48 tháng. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 10%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc để đảm bảo cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iv) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm mục đích tài trợ cho việc mua lại phần vốn góp vào Công ty TNHH BOT Cần Thơ Phụng Hiệp và thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 300 tỷ VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2016. Lãi suất áp dụng trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân là 8,8%/năm, lãi suất này sau đó được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ 1,8%/năm. Công ty sử dụng các lợi ích thu được trong tương lai từ việc đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay này sau khi đảm bảo các nghĩa vụ của CII với Viettinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 phát hành bởi CII ngày 17 tháng 4 năm 2013.

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	78.801.666.666	64.501.000.000
Trong năm thứ hai	119.087.333.334	71.043.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	217.802.899.750	139.386.899.750
Sau năm năm	251.054.568.925	288.085.568.925
Cộng	666.746.468.675	563.016.468.675
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(78.801.666.666)	(64.501.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	587.944.802.009	498.515.468.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	225.169.550.000	-	(5.362.083.904)	8.180.864.378	66.938.987.652	294.927.318.126
Tăng vốn trong năm	1.703.378.100.000	-	-	-	-	1.703.378.100.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	177.604.238.039	177.604.238.039
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.807.748.096	5.362.083.904	-	-	9.169.832.000
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	-	-	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(99.373.259.000)	(99.373.259.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.880.212.000	(8.880.212.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(532.813.000)	(532.813.000)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	-	-	6.916.834.000	6.916.834.000
Tại ngày 01/01/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	17.061.076.378	142.673.775.691	2.091.940.250.165
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	98.350.420.052	98.350.420.052
Chia cổ tức	-	-	-	-	(115.712.859.000)	(115.712.859.000)
Tại ngày 30/06/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	17.061.076.378	125.311.336.743	2.074.577.811.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phần

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

c. Cổ tức

Trong kỳ, Công ty thực hiện chia cổ tức đợt cuối của năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2015 với tỷ lệ 6%.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu bán hàng	-	467.080.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	891.461.838	912.192.079
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	17.701.742.676	92.363.671.420
Doanh thu căn hộ Lữ Gia	-	804.188.377
Cộng	18.593.204.514	94.547.132.276

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	467.080.400
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	621.362.556	90.486.977
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	17.636.289.010	91.597.389.568
Giá vốn căn hộ Lữ Gia	-	463.026.203
Cộng	18.257.651.566	92.617.983.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	145.261.531.745	95.757.310.618
<i>Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>	56.399.029.459	80.087.678.114
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	22.340.262.608	15.669.632.504
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</i>	32.343.469.110	-
<i>Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận</i>	16.398.211.568	-
<i>Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình</i>	17.780.559.000	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	9.549.542.748	15.099.261.574
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.042.262.183	4.345.417.673
Lãi chênh lệch tỷ giá	62.508	433.924
Cộng	171.853.399.184	115.202.423.789

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí lãi vay	15.971.730.903	26.413.266.122
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng	-	44.498.112.159
Lỗ do thoái vốn một phần khối Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn - Dự án B.T cầu Sài Gòn 2	54.574.310.395	765.475.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá	208.309	-
Chi phí tài chính khác	-	18.699.100
Cộng	70.546.249.607	71.695.553.371

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí lương nhân viên	1.488.429.663	535.478.521
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	107.733.999	302.244.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.522.315	12.387.206
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	300.460.838	841.201.879
Chi phí thuê văn phòng	210.000.000	210.000.000
Chi phí tiếp khách	164.339.187	81.283.363
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	748.175.011	913.997.968
Cộng	3.100.661.013	2.896.593.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân công	1.707.315.784	730.133.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.424.643	55.289.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.026.335.530	83.576.017.702
Chi phí bằng tiền khác	1.024.828.781	1.114.391.664
Cộng	26.882.904.738	85.475.831.931

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.350.420.052	42.142.632.505
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(154.811.074.493)	(110.856.572.192)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(154.811.074.493)</i>	<i>(110.856.572.192)</i>
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	7.720.249.726	9.968.553.076
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư khác</i>	<i>7.690.569.726</i>	<i>9.968.553.076</i>
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>29.680.000</i>	<i>-</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	(48.740.404.715)	(58.745.386.611)
Lỗ tính thuế mang sang	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(48.740.404.715)	(58.745.386.611)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.133.296.968.675	1.025.866.968.675
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(106.434.668.094)	(6.719.447.716)
Nợ thuần	1.026.862.300.581	1.019.147.520.959
Vốn chủ sở hữu	2.074.577.811.217	2.091.940.250.165
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	49%	49%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng như sau:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	106.434.668.094	6.719.447.716
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.388.875.000	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	29.941.232.924	43.652.989.087
Phải thu về cho vay	335.381.998.901	374.088.332.744
Phải thu khác	288.186.272.972	148.526.954.730
Đầu tư tài chính dài hạn	2.540.619.621.071	2.717.947.010.084
Cộng	3.315.952.668.962	3.305.934.734.361
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.133.296.968.675	1.025.866.968.675
Phải trả người bán	6.441.868.742	17.126.781.929
Chi phí phải trả	10.827.794.243	11.261.063.808
Phải trả khác	1.074.389.304	714.122.164
Cộng	1.151.641.020.964	1.054.968.936.576

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	22.561.457	22.854.730

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	106.434.668.094	-	106.434.668.094
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.388.875.000	-	15.388.875.000
Phải thu khách hàng	29.941.232.924	-	29.941.232.924
Phải thu về cho vay	103.956.748.901	231.425.250.000	335.381.998.901
Phải thu khác	288.186.272.972	-	288.186.272.972
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.540.619.621.071	2.540.619.621.071
Cộng	543.907.797.891	2.772.044.871.071	3.315.952.668.962
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	545.352.166.666	587.944.802.009	1.133.296.968.675
Phải trả người bán	6.441.868.742	-	6.441.868.742
Chi phí phải trả	10.827.794.243	-	10.827.794.243
Phải trả khác	822.168.804	252.220.500	1.074.389.304
Cộng	563.443.998.455	588.197.022.509	1.151.641.020.964
Chênh lệch thanh khoản thuần	(19.536.200.564)	2.183.847.848.562	2.164.311.647.998
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	6.719.447.716	-	6.719.447.716
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	43.652.989.087	-	43.652.989.087
Phải thu về cho vay	142.663.082.744	231.425.250.000	374.088.332.744
Phải thu khác	148.526.954.730	-	148.526.954.730
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.717.947.010.084	2.717.947.010.084
Cộng	356.562.474.277	2.949.372.260.084	3.305.934.734.361
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	527.351.500.000	498.515.468.675	1.025.866.968.675
Phải trả người bán	17.126.781.929	-	17.126.781.929
Chi phí phải trả	11.261.063.808	-	11.261.063.808
Phải trả khác	461.901.664	252.220.500	714.122.164
Cộng	556.201.247.401	498.767.689.175	1.054.968.936.576
Chênh lệch thanh khoản thuần	(199.638.773.124)	2.450.604.570.909	2.250.965.797.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	9.549.542.748	15.099.261.574
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong kỳ	94.320.004.800	15.570.982.800
Chi phí lãi vay	10.285.972.826	16.424.989.688
Lãi cho vay	6.588.344.182	-
Thu tiền lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	-	7.389.543.057
Thu tiền hoàn vốn góp đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư cầu Rạch Chiếc	-	21.640.673.340
Cho vay	169.500.000.000	-
Nhận lại tiền cho vay	208.206.333.843	-
Thu lãi cho vay	-	-
Nhận tiền vay	18.400.000.000	827.350.500.000
Thanh toán tiền vay	-	9.000.000.000
Nhận vốn góp	-	357.000.000.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	1.049.920.010.784
Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp các công ty cầu đường	-	56.625.446.939
Thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	775.293.155.214
Thanh toán lãi do chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	34.464.034.703
Thu tiền cho thuê mặt bằng	324.990.000	324.990.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng	295.446.000	295.446.000
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thu tiền thanh lý bất động sản đầu tư và bất động sản đầu tư	-	18.123.403.068
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	400.000.000
Thu tiền hỗ trợ vốn	-	155.000.000
Chi phí thuê mặt bằng	769.988.123	210.000.000
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	495.986.935	462.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo


29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)


Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương và thưởng	1.063.500.000	409.960.000


30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

